

BẢN TIN THUẾ THÁNG 10/2024

1. V/v chính sách thuế GTGT- Nguyễn Hương

Chi tiết công văn xem [tại đây](#)

Tổng cục thuế đã ban hành Công văn số 4855/TCT-CS ngày 28/10/2024

Câu hỏi:

Thuế GTGT trong trường hợp doanh nghiệp chế xuất có dự án đầu tư mới là hoạt động kinh doanh khác không phải là hoạt động chế xuất ?

Căn cứ luật:

- Căn cứ Điều 2, Điều 3 và Điều 5 Luật Thuế GTGT số 13/2008/QH12 về thuế giá trị gia tăng, đối tượng chịu thuế và đối tượng không chịu thuế.
- Căn cứ khoản 2 Điều 10 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định 49/2022/NĐ-CP ngày 29/7/2022) của Chính phủ về hoàn thuế GTGT.
- Căn cứ khoản 6 Điều 3 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về người nộp thuế.
- Căn cứ khoản 6 Điều 26 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định riêng áp dụng đối với khu chế xuất và doanh nghiệp chế xuất.

Kết luận:

- Nếu doanh nghiệp chế xuất có dự án đầu tư mới là hoạt động kinh doanh khác không phải là hoạt động chế xuất theo quy định tại khoản 6 Điều 26 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ thì doanh nghiệp là người nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật thuế GTGT đối với dự án đầu tư và được áp dụng các

quy định đối với người nộp thuế theo quy định pháp luật về quản lý thuế và pháp luật thuế giá trị gia tăng.

2. V/v kê khai thuế GTGT đối với dự án viện trợ không hoàn lại- Trung tâm hợp tác quốc tế nuôi trồng và khai thác thủy sản bền vững

Chi tiết công văn xem [tại đây](#)

Tổng cục thuế đã ban hành Công văn số 4892/TCT-KK ngày 29/10/2024

Câu hỏi:

Kê khai thuế GTGT đối với trường hợp Tổ chức ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ nhân đạo của tổ chức phi Chính phủ nước ngoài để mua hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho dự án viện trợ không hoàn lại tại Việt Nam ?

Căn cứ luật:

- Căn cứ quy định tại Điều 4; điểm b khoản 5 Điều 13 Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 (đã được sửa đổi, bổ sung theo khoản 7 Điều 1 Luật số 31/2013/QH13 và khoản 3 Điều 1 Luật số 106/2016/QH13) về người nộp thuế; các trường hợp hoàn thuế;
- Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 2; khoản 7 Điều 3 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 về đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ;
- Căn cứ quy định tại Điều 2; Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ về đối tượng áp dụng; hồ sơ khai thuế;
- Căn cứ hướng dẫn tại điểm b khoản 6 Điều 18 (đã được sửa đổi, bổ sung theo khoản 3 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC); khoản 1 Điều 19 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính về đối tượng và trường hợp được hoàn thuế GTGT; điều kiện và thủ tục hoàn thuế GTGT.

Kết luận:

- Trường hợp Tổ chức ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ nhân đạo của tổ chức phi Chính phủ nước ngoài để mua hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho dự án viện trợ không hoàn lại tại Việt Nam thì không phải là người nộp thuế GTGT đối với hoạt động của dự án viện trợ theo quy định tại Điều 4 Luật Thuế GTGT nên không phải nộp hồ sơ khai thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào phục vụ cho dự án.

3. V/v chính sách thuế TNCN- Nguyễn Thị Như Hoa

Tổng cục thuế đã ban hành Công văn số 4761/TCT-DNNCN ngày 23/10/2024

Chi tiết công văn xem [tại đây](#)

Câu hỏi:

Giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc ?

Căn cứ luật:

- Căn cứ Điểm c và điểm h khoản 1 Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính
- Căn cứ Khoản 4 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ
- Căn cứ Điều 1, Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30/12/2022 của Bộ Tài chính

Kết luận:

- Trường hợp người lao động chưa tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc là con ruột trong năm tính thuế 2023 thì được tính giảm trừ cho người phụ thuộc kể từ tháng phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng khi người lao động thực hiện quyết toán thuế và có đăng ký giảm trừ.
- Trường hợp người lao động khai bổ sung không làm thay đổi nghĩa vụ thuế thì chỉ phải nộp Bản giải trình khai bổ sung và các tài liệu có liên quan theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP. nêu rõ chính sách TNCN, bao gồm các điều kiện và thủ tục để miễn giảm thuế. Mục tiêu là hỗ trợ các cá nhân giảm bớt gánh nặng thuế và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

4. V/v chính sách thuế TNCN- Công dịch vụ công Quốc gia

Tổng cục thuế đã ban hành Công văn số 4846/TCT-DNNCN ngày 25/10/2024

Chi tiết công văn xem [tại đây](#)

Câu hỏi:

Quyết toán thuế của cá nhân trong năm tính thuế người nộp thuế có thu nhập từ hai nơi trở lên, trong đó có thu nhập vãng lai chưa được khấu trừ thuế thu nhập cá nhân theo tỷ lệ 10% ?

Căn cứ luật:

- Căn cứ quy định tại điểm d, khoản 6, Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ;
- Căn cứ hướng dẫn tại khoản 1, Điều 1 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2 Thông tư 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014 của Bộ Tài chính).

Kết luận:

→ Trường hợp trong năm tính thuế người nộp thuế có thu nhập từ hai nơi trở lên, trong đó có thu nhập vãng lai chưa được khấu trừ thuế thu nhập cá nhân theo tỷ lệ 10% thì không đủ điều kiện đề nghị quyền quyết toán thuế cho tổ chức hoặc cá nhân khác theo quy định tại tiết d.2, điểm d, khoản 6, Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ nêu trên. Theo đó, người nộp thuế trực tiếp khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân với cơ quan thuế (khi có số thuế phải nộp thêm hoặc có số thuế nộp thừa đề nghị hoàn hoặc bù trừ vào kỳ khai thuế tiếp theo) và kê khai đầy đủ các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân nhận được trong kỳ theo quy định tại khoản 1, Điều 1 Thông tư số 111/2013/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2 Thông tư số 119/2014/TT-BTC).

5. V/v chính sách thuế nhà thầu- Công ty TNHH Tuấn Lộc Commodities

Tổng cục thuế đã ban hành Công văn số 4909/TCT-CS ngày 30/10/2024

Chi tiết công văn xem [tại đây](#)

Câu hỏi:

Thuế nhà thầu trong trường hợp Công ty tại Việt Nam ký hợp đồng với Công ty ở nước ngoài bán khoản phải thu từ các khách hàng tại nước ngoài ?

Căn cứ luật:

- Căn cứ Điều 6, Điều 7 Thông tư số 103/2024/TT-BTC ngày 6/8/2014 về thuế nhà thầu

Kết luận:

- Trường hợp Công ty tại Việt Nam ký hợp đồng với Công ty ở nước ngoài bán khoản phải thu từ các khách hàng tại nước ngoài theo các hợp đồng xuất khẩu hàng có điều khoản thanh toán trả chậm để nhận trước tiền bán hàng hóa từ Công ty ở nước ngoài (bên mua khoản phải thu) mà không phải là hoạt động vay tín dụng phải trả lãi tiền vay; Công ty chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ liên quan đến khoản phải thu cho bên mua khoản phải thu và không có bất kỳ nghĩa vụ, trách nhiệm gì với bên mua khoản phải thu về việc bên mua khoản phải thu có thu được khoản tiền phải thu của người mua hàng hóa hay không; Công ty không phát sinh khoản thanh toán cho Công ty ở nước ngoài (bên mua khoản phải thu) thì Công ty ở nước ngoài trong trường hợp nêu trên không phát sinh thu nhập và không thuộc đối tượng chịu thuế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6/8/2014 của Bộ Tài chính.

Lưu ý:

Các thông tin được trình bày trong tài liệu này đều là thông tin chung và không nhằm mục đích cung cấp, hướng dẫn hoặc tư vấn cho bất kỳ một trường hợp cụ thể nào là tổ chức hay cá nhân. TKT tuy đã cố gắng những thông tin này còn chính xác và phù hợp lúc người đọc nhận được bản tin hoặc sẽ duy trì tính chính xác này trong tương lai. Bất cứ Quý Khách nào cũng không nên đưa quyết định dựa trên những thông tin trong tài liệu này nếu không có sự tư vấn phù hợp từ các chuyên gia sau khi xem xét từng tình huống cụ thể.